TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày: 25/02/2021
V/v "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Châu Văn Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 25/02/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 787/2020/TLST-DS ngày 10/11/2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-DS ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K L**;

Trụ sở chính: số 40 - 42 - 44 Phạm Hồng Thái, P. V T V, TP. R G, Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: số A22 H V, phường 2, thành phố S Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo pháp luật: Trần T A - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tăng V T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K L – chi nhánh S Đ.

Ông T ủy quyền cho anh Nguyễn Đình Phi N, sinh năm 1980 – Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP K L. Địa chỉ: A22 H V, phường 2, thành phố S Đ, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Ngô Văn S**, sinh năm 1983;

HKTT: tổ 22, ấp B M A, xã B T, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Phạm Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1988;

HKTT: 18/18 Xô Viết Nghệ Tĩnh, A H, quận N K, TP. Cần Thơ.

(Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S và chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 24/02/2021 nguyên đơn Ngân hàng TMCP K L trình bày:

Anh S và chị T có vay Ngân hàng TMCP K L, chi nhánh Đồng Tháp, phòng giao dịch S Đ số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC và A780055/HĐTD-CC ngày 25/4/2019, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC: số tiền vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), dư nợ hiện tại 9.000.000đ (chín triệu đồng), mục đích vay mua bán nhỏ, giải ngân ngày 25/4/2019 thời hạn vay 180 ngày, ngày đến hạn 22/10/2019, lãi suất trong hạn 1,333%/tháng, lãi suất quá hạn 1,9995%/tháng. Hình thức thanh toán: trả góp vốn vay và lãi tiền vay hàng ngày.

Hợp đồng tín dụng số A780055/HĐTD-CC: số tiền vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), dư nợ hiện tại 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), mục đích vay mua bán nhỏ, giải ngân ngày 25/4/2019 thời hạn vay 180 ngày, ngày đến hạn 22/10/2019, lãi suất trong hạn 1,333%/tháng, lãi suất quá hạn 1,9995%/tháng. Hình thức thanh toán: trả góp vốn vay và lãi tiền vay hàng ngày. Tài sản đảm bảo nợ vay: 02 giấy đăng ký xe moto, gắn máy nhãn hiệu yamaha Sirius, biển số 66F1-696.17 và 66F1-710.77.

Trong quá trình vay, anh S và chị T đã không trả nợ đúng như thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP K L khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn S và chị Phạm Nguyễn Tuyết T phải trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 25/02/2021 là 1.697.366đ, tổng cộng là 10.697.366đ, theo hợp đồng tín dụng số A780055/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 25/02/2021 là 3.394.732đ, tổng cộng là 21.394.732đ. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 32.092.098đ (ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 5.092.098đ (năm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng mà anh S và chị T đã ký kết với Ngân hàng TMCP K L cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp anh S và chị T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC và A780055/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 thì Ngân hàng sẽ trả lại bản chính các tài sản thế chấp là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe moto Yamaha Sirius biển kiểm soát 66F1-696.17 và 66F1-710-77. Ngân hàng không yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên. Ngoài ra, Ngân hàng không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Ngô Văn S và chị Phạm Nguyễn Tuyết T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Bản kê tính lãi theo hợp đồng (bản chính);

+ Giấy đề nghị vay vốn trả góp (bản sao);

+ Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản (bản đối chiếu);

+ Hợp đồng ủy quyền số 71/UQ-PGD ngày 01/7/2020 (bản chính);

+ Hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC và A780055/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 (bản sao);

+ Giấy chứng minh nhân dân Ngô Văn S và Phạm Nguyễn Tuyết T (bản photo);

+ Giấy chứng nhận đăng ký moto, xe máy Ngô Văn S và Phạm Nguyễn Tuyết T (bản photo);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn là Ngô Văn S và Phạm Nguyễn Tuyết T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền theo hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 25/02/2021 là 1.697.366đ, tổng cộng là 10.697.366đ, theo hợp đồng tín dụng số A780055/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 25/02/2021 là 3.394.732đ, tổng cộng là 21.394.732đ. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 32.092.098đ (ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 5.092.098đ (năm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng mà anh S và chị T đã ký kết với Ngân hàng TMCP K L cho đến khi thanh toán xong nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Ngô Văn S có nơi cư trú tại xã B

T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Đối với các bị đơn là anh Ngô Văn S và chị Phạm Nguyễn Tuyết T đã được triệu tập hợp lệ để tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K L xác định chỉ yêu cầu anh S và chị T trả số tiền đã vay và trả số tiền lãi còn nợ. Ngân hàng không yêu cầu xử lý đối các tài sản thế chấp là 02 giấy chứng nhận đăng ký xe.

Ngân hàng TMCP K L khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn S và chị Phạm Nguyễn Tuyết T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ: theo hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 25/02/2021 là 1.697.366đ, tổng cộng là 10.697.366đ, theo hợp đồng tín dụng số A780055/HĐTD-CC ngày 25/4/2019 số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày 25/02/2021 là 3.394.732đ, tổng cộng là 21.394.732đ. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là 32.092.098đ (ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi trong hạn và quá hạn là 5.092.098đ (năm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng mà anh S và chị T đã ký kết với Ngân hàng TMCP K L cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ: Vào ngày 25/4/2019, anh Ngô Văn S và chị Phạm Nguyễn Tuyết T có làm hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín tụng) với Ngân hàng TMCP K L, cụ thể là hợp đồng tín dụng số A780045/HĐTD-CC số tiền vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và hợp đồng tín dụng số A780055/HĐTD-CC số tiền vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay 180 ngày, ngày đến hạn 22/10/2019, lãi suất trong hạn 1,333%/tháng, lãi suất quá hạn 1,9995%/tháng. Hình thức thanh toán: trả góp vốn vay và lãi tiền vay hàng ngày. Theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, anh S là người trực tiếp ký hợp đồng vay vốn, chị T là người liên đới chịu trách nhiệm với anh S. Sau khi vay, anh S và chị T đã không thực hiện đúng như các bên đã thỏa thuận ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh S và chị T trả nợ nhưng anh S và chị T vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP K L khởi kiện yêu cầu anh S và chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi như đã nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K L.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K L về việc yêu cầu anh Ngô Văn S và chị Phạm Nguyễn Tuyết T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi trong hạn

và quá hạn là 5.092.098đ (năm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng), tổng cộng là 32.092.098đ (ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng), nên anh S và chị T phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.604.500đ (một triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng).

+ Ngân hàng TMCP K L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 760.000đ theo biên lai số 0004305 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K L về trả tiền vay và lãi.

- Buộc anh Ngô Văn S và chị Phạm Nguyễn Tuyết T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP K L số tiền nợ gốc là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng), tiền lãi trong hạn và quá hạn là 5.092.098đ (năm triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng), tổng cộng là 32.092.098đ (ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi hai ngàn, không trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 25/02/2021, anh S và chị T còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố số A780045/HĐTD-CC, A780055/HĐTD-CC cùng ngày 25/4/2019.

- Về án phí: Anh S và chị T phải có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.604.500đ (một triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng).

+ Ngân hàng TMCP K L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 760.000đ theo biên lai số 0004305 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Châu Văn Sang